TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 445/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-9-2019
V/v tranh chấp về ly hôn giữa
chị H với anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.
2. Ông Lê Trung Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Ông Phạm Tuấn Khanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1983, địa chỉ cư trú: Số 395 tổ 12, ấp T, xã VTT, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980, địa chỉ cư trú: Tổ 06, ấp V, xã VTT, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VTT ngày 29/4/2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên đã ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Nay tình trạng vợ chồng trầm trọng, không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim Hương, sinh ngày 11/8/2002, đang chung sống với anh T. Chị H đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Kim Hương cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 12/7/2019, xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh T để ghi nhận ý kiến nhưng anh T vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và gửi thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát không đảm bảo đúng thời hạn quy định. Vụ án đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng Chánh án chưa ban hành quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, kiến nghị để khắc phục. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị H ly hôn với anh T; giao con chung tên Nguyễn Thị Kim Hương, sinh ngày 11/8/2002 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân; bản sao sổ hộ khẩu, giấy khai sinh con chung, giấy chứng nhận kết hôn; biên bản xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và tình trạng hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh T đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VTT, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 35 ngày 29/4/2003. Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng trong thời kì hôn nhân.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay; chị H và anh T đều đã có cuộc sống riêng, không còn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, chị H và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh T là có căn cứ. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim Hương, sinh ngày 11/8/2002. Qua xác minh tại địa phương, từ khi chị H và anh T ly thân đến nay, cháu Hương có cùng hộ khẩu thường trú và chung sống với anh T. Hiện nay cháu Hương không có mặt tại địa phương, không biết cháu Hương đang sinh sống ở đâu nên không thể ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của cháu Hương. Xét, chị H đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu Hương được ổn định cuộc sống và chỗ ở, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Thị Kim Hương cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Anh T không có yêu cầu chị H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp anh T có yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 51,Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đỗ Thị H ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35, ngày 29/4/2003 của Ủy ban nhân dân xã VTT, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Kim Hương, sinh ngày 11/8/2002, cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Đỗ Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng cho con: Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số: 0001230 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Tuấn **Lê Trung Thành** **Lê Thị Hồng Thi**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã VTT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA